

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

Số: 78/2 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đức Phổ, ngày 14 tháng 12 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 04/4/2023  
của UBND thị xã Đức Phổ

### ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 7426/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND thị xã Đức Phổ về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ (Phương án đợt 8 điều chỉnh đất nông nghiệp đợt 1, đợt 2, đợt 3, đất ở không tái định cư đợt 1 và mồ mả);

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1160/TTr-TTPTQĐ ngày 02/12/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 550/TTr-TNMT ngày 02/12/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND thị xã Đức Phổ với nội dung như sau:

Điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Phan Ngọc Trang, thường trú xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ, với nội dung như sau:

- |   |   |                  |
|---|---|------------------|
| 1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 04/4/2023           | : | 43.143.300 đồng. |
| Trong đó  | : |                  |
| - Mồ mả   | : | 43.143.300 đồng. |
| 2. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ được điều chỉnh (theo phương án điều chỉnh được UBND thị | : | 58.442.700 đồng. |

xã phê duyệt tại Quyết định số 7426/QĐ-UBND  
ngày 01/12/2023)

Trong đó	:	
- Mỏ mả	:	58.442.700 đồng.
3. Tổng giá trị chênh lệch giữa 02 phương án	:	<b>15.299.400 đồng.</b>

(Bảng chữ: Mười lăm triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

(Có bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hồ trợ kèm theo)

**Điều 2.** Những nội dung khác tại 1271/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND thị xã Đức Phổ không điều chỉnh tại Quyết định này, vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND&UBND thị xã; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi; Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND xã Phổ Nhơn và ông Phan Ngọc Trang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận: *lg*

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND thị xã;
- VP HĐND & UBND TX: PCVP, CV<sub>thuận</sub>;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Trần Ngọc Sang*  
Trần Ngọc Sang

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**  
**DỰÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC - NAM PHÍA ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ PHỔ NHƠN, THỊ XÃ ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**(PHƯƠNG AN ĐỢT 1, ĐỢT 2, ĐỢT 3, ĐẤT Ồ KHÔNG TÁI ĐỊNH CƯ ĐỢT 1 VÀ MÔ MẢ)**  
(Kèm theo Quyết định số: **78/12/QĐ-UBND** ngày 14/12/2023 của UBND thị xã Đức Phố)

17

Ông Phan Ngọc Trang  
Xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi

Số chứng minh : .....  
Số nhân khẩu : .....

STT	Hạng mục	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Đơn vị tính	Số lượng	Bồi thường, hỗ trợ	Hệ số	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Mô mả								15.299.400,0
1	Mộ đất bình thường	3	235	cái	3,0	100%		3.914.000	11.742.000,0
2	Hỗ trợ chi phí di dời			cái	3,0	100%		650.000	1.950.000,0
3	Mộ xây (KH: M04): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi (trên 3 năm) KT: S=3,20*2,3	3	235	m2	7,4	100%		2.523.000	-18.670.200,0
4	Mộ xây (KH: M04): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền láng xi măng; nhà mồ, phần thân mộ quét vôi (trên 3 năm) KT: S=3,57*2,68	3	235	m2	9,7	100%		2.523.000	-24.473.100,0
5	Mộ xây (KH: M03-2): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền lát gạch, nhà mồ ốp gạch; phần thân mộ quét vôi. (trên 3 năm) KT: S=3,20*2,3	3	235	m2	7,4	100%		2.617.000	19.365.800,0
6	Mộ xây (KH: M03-2): Móng đá chẻ; nhà mồ, thân mồ xây gạch; trát vữa xi măng; nền lát gạch, nhà mồ ốp gạch; phần thân mộ quét vôi. (trên 3 năm) KT: S=3,20*2,3	3	235	m2	9,7	100%		2.617.000	25.384.900,0
	<b>Tổng cộng (A+B+C+D):</b>								15.299.400,0

Số cọc 443, 444, 445 thuộc số thửa 235, tờ bản đồ số 3

(Bảng chữ: Mười lăm triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm đồng)